TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 762/2026/HS-ST
Ngày: 26-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tuyết Mai

2. Bà Phạm Thị Hồng Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 488/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 691/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2026/QĐHPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Đức T; Sinh năm 1968; tại Hà Nội; Nơi thường trú và cư trú: 2 N, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị Anh S, sinh năm 1945; Vợ: Lê Thị Tố U, sinh năm 1988; Có 03 con nhỏ sinh năm 2025 lới sinh năm 1994; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2025 đến ngày 24/10/2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2/ Hà Anh T1; Sinh năm 1991; tại Quảng trị; Nơi thường trú: B T, khu phố B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: 33 T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Huy N, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm không rõ; Vợ: con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2025 đến ngày 24/10/2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bào chữa:

Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1958 – Luật sư thuộc Công ty L1 Luật - Là người bào chữa cho bị cáo Hà Anh T1 (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu D, B H, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị hại:

Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: 2 N, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Quỳnh N1, sinh năm 1973 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: C T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9/2018, Nguyễn Đức T (sinh năm 1968) và bà Nguyễn Quỳnh N1 (sinh năm 1973) đã ly dị nhưng còn tranh chấp việc phân chia tài sản, trong đó có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Renault, biển số: 51A-692.98. Sau đó, bà N1 có quan hệ tình cảm và sống chung nhà với Hà Anh T1 (sinh năm 1991). Vào khoảng 08 giờ 45 phút, ngày 25/10/2020, T điều khiển xe mô tô biển số 59S1 – 753.61 trên đường L thì nhìn thấy T1 đang điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Renault, biển số: 51A-692.98, có bà N1 ngồi ghế phụ, T chạy lên trước đầu xe ô tô dùng điện thoại di động chụp ảnh T1 và bà N1. Tính tiếp tục di chuyển thì T chạy đuổi theo rồi dùng tay gõ vào kính chiếu hậu bên phải của xe ô tô làm lệch kính nên T1 dừng xe lại tại trước khách sạn N3, số A L, phường B, Quận A, (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh), để chỉnh lại kính thì T để xe mô tô chắn trước đầu xe ô tô. Tính xuống xe hỏi T sao gõ lệch kính chiếu hậu thì T nói: " Xe ô tô này là của mày à, xe này đang tranh chấp, kêu con kia xuống xe nói chuyện". Tính trả lời rằng: "Không cần biết, tôi đang lái xe sao ông đập kính chiếu hậu". Bà N1 vẫn ngồi trên xe, còn T liên tục chửi T1 là "đĩ đực", T1 không nói gì và đẩy xe mô tô của T để vào lề đường, lúc này T đi lại xe ô tô, dùng tay rút chìa khóa xe ô tô, T1 thấy vậy đã chạy lại giằng co với T để lấy lại chìa khóa xe và bà N1 có xuống xe hỗ trợ khi T1 đè T nằm dưới mặt đường đi bộ. Bà N1 lấy điện thoại của T kiểm tra rồi trả lại, T đã lén ném chìa khóa xe ô tô vào bồn cây trước khách sạn, bà N1 được người dân xung quanh chỉ chỗ chìa khóa nên T1 lại nhặt và buông T ra. T gọi điện thoại nói hai người con biết sự việc và chỉ địa điểm cho con chạy đến rồi T lấy điện thoại di động quay lại hình ảnh bà N1 và T1 đang đi cùng nhau và dọa đưa hình ảnh này cho cả họ nhà bà N1 xem. Sau đó, nhân viên của khách sạn đã can ngăn, đề nghị gọi công an đến giải quyết thì T bảo đây là chuyện gia đình nên nhân viên khách sạn yêu cầu mọi người rời khỏi địa điểm trên để không gây mất trật tự trước khách sạn.

Do vậy, T1 tiếp tục điều khiển xe ô tô rẽ vào đường N thì phát hiện T vẫn chạy theo phía sau nên T1 lái xe hướng về đường V, đến giao lộ Võ Văn K và Nam Kỳ Khởi N2 thì T bắt kịp rồi điều khiển xe chạy chậm trước đầu xe ô tô trên làn đường hỗn hợp, gây cản trở, không cho xe ô tô di chuyển bình thường. Lúc này, T1 xuống xe, dùng ngón tay của bàn tay phải chọt trúng vào vành tai trái của T gây xước da rồi dọa đánh nhưng bà N1 đã ngăn cản, bảo T1 lên xe ô tô để bà N1 gọi Công an đến giải quyết. Tính lên xe ô tô, tiếp tục lưu thông thì T tiếp tục gây cản trở bằng cách cố tình điều khiển xe mô tô rất chậm trước đầu xe ô tô đến gần đoạn quay đầu ở gần gầm cầu vượt C1 thì T dừng hẳn xe mô tô trước đầu xe ô tô. Người dân lưu thông trên đường là ông Nguyễn Quang H đang điều khiển xe mô tô Honda Wave màu Đỏ Đen, biển số: 59C3 – 088.94 thấy T cố tình gây cản trở, không cho xe ô tô di chuyển nên đã đến khuyên can T, T1 quay đầu xe ô tô chạy hướng vào hầm vượt Thủ Thiêm sang Quận B cũ nhằm thoát khỏi việc bị T chặn đầu xe. Tuy nhiên, T vẫn điều khiển xe mô tô chạy đuổi theo đến giao lộ đường T và Mai Chí T2, T1 di chuyển nhanh với tốc độ 60 km/h hướng về đường C - D nhằm thoát khỏi sự đeo bám của T2. T2 điều khiển xe mô tô vào làn xe ô tô (làn đường thứ 2, tính từ trái sang phải) rồi vượt lên từ bên phải xe ô tô, đột ngột giảm tốc độ 13 km/h (chỉ số tốc độ do camera hành trình trên xe ô tô của bà N1 ghi nhận) thấy vậy T1 điều khiển xe ô tô chuyển sang làn đường thứ 1, T2 di chuyển tốc độ chậm (07 km/h) trước đầu xe ô tô để cản trở, không cho T1 di chuyển bình thường, T1 tiếp tục chuyển sang làn đường thứ 2 thì T2 tiếp tục cản trở trước đầu xe cho đến đoạn giao lộ đường N và Mai Chí T2. Khi thấy đèn tín hiệu giao thông chuyển sang đỏ thì T2 tấp xe vào dải phân cách chờ. Lúc này, bà N1 sợ T2 tiếp tục cản trở thì T1 sẽ gây tai nạn nên đã thay T1 điều khiển xe ô tô. Bà N1 điều khiển xe ô tô đi thẳng với tốc độ 41 km/h trên làn xe ô tô nhưng T2 vẫn điều khiển xe mô tô chạy vượt lên bên phải xe ô tô rồi giảm tốc độ di chuyển trước đầu xe ô tô để cản trở. Bà N1 tránh được T2 chạy đến giao lộ đường T và Mai Chí T2 thì dừng lại do đèn tín hiệu giao thông chuyển sang đỏ. T2 cố tình dừng xe mô tô trước đầu xe ô tô, không cho bà N1 di chuyển nhưng bà N1 chuyển làn xe, tránh được T2 rồi tăng tốc độ (khoảng 60 km/h) đi thẳng để thoát khỏi sự đeo bám của T2. T2 tiếp tục điều khiển xe mô tô phóng nhanh trên làn xe ô tô thứ 1, vượt lên bên trái của xe ô tô đang lưu thông trên làn xe ô tô thứ 2, dùng tay phải đập vào kính chiếu hậu bên trái của xe ô tô rồi đột ngột giảm tốc độ xe mô tô và dừng hẳn xe mô tô tại vị trí cách cột đèn chiếu sáng, ký hiệu TL4/23 một đoạn khoảng 15m (gần trạm đón hành khách của nhà xe P), chặn đường xe ô tô, làm xe ô tô của bà N1 phải dừng lại đột ngột. Lúc này, T1 đang ngồi bên ghế tài bực tức, xuống xe ô tô, dùng tay trái đánh trúng vào đầu T2 có đội nón bảo hiểm nên không gây thương tích, T2 buông xe mô tô ngã ngang xuống đường về phía sau, T1 tiếp tục dùng hai tay túm được cổ áo của T2 rồi quật ngã T2 sang làn đường thứ 2 làm T2 bị thương ở đầu gối chân trái. Bà N1 có ra can ngăn thì T1 bỏ lên xe ô tô, bà N1 cũng lên xe để di chuyển sang làn xe thứ 1. Lúc này, T2 đang bị đau chân trái nhưng vẫn cố gắng di chuyển theo, dùng thân người chặn đầu xe ô tô, bà N1 tiếp tục lùi xe để chuyển sang làn đường thứ 3 thì T2 tiếp tục nhảy theo rồi bị ngã xuống đường và tiếp tục cản đầu xe ô tô. Sau đó, nhiều người dân xung quanh và người đi đường đến can ngăn. Bà N1 xuống xe, nói với mọi người biết sự việc thì

có người yêu cầu gọi công an đến giải quyết nhưng T2 lại ngăn cản, nói rằng đây là việc gia đình nên không cần gọi công an. Tiếp đó, người dân đã ngăn T2 cản đầu xe để bà N1 di chuyển rời khỏi hiện trường.

Sau đó, T2 được con gái ruột là chị Nguyễn Khánh L (sinh năm 1994) đưa đến Bệnh viện quốc tế Mỹ, phường A, thành phố T (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cứu băng bó vết thương. Đến khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 25/10/2020, T2 đến trình báo sự việc và có viết đơn yêu cầu được giám định thương tích và yêu cầu xử lý hình sự đối với vụ việc trên.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1201/TgT.20 ngày 22/12/2020 của Trung tâm P1 thuộc Sở Y tế Thành phố H đối với Nguyễn Đức T, kết luận.

1. Dấu hiệu chỉnh qua giám định:

- Chấn thương vùng gối trái gây bong chỗ bảm dây chằng chéo trước, vỡ mâm chày trái, hiện còn:

Sưng nề gối trái, không ngồi xổm được.

Hình ảnh gãy xương trên Xquang.

Hình ảnh phù nề mô mềm, tràn dịch trong khớp, gây rứt nơi bảm dây chằng chéo trước trên phim chụp cộng hưởng từ.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 20% (Hai mươi phần trăm).

Tuy nhiên, kết luận chưa giám định phần thương tích ở phía sau vành tai trái của ông T. Do đó, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích bổ sung số 94/QĐ ngày 24/02/2021 nhưng ông T từ chối giám định.

Công văn số 1116/UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân phường B về xác định mức độ ảnh hưởng của vụ việc đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương: Hành vi của ông Nguyễn Đức T đã gây bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương đồng thời gây nguy hiểm cho ông T và các phương tiện khác khi tham gia giao thông. Đặc biệt, khu vực đường L, P là những tuyến đường có mật độ giao thông cao, tập trung nhiều trung tâm thương mại lớn, là nơi thu hút đông đảo người dân của Thành phố đến vui chơi, giải trí.

Công văn số 36/CV-UBND ngày 04/02/2025 của Ủy ban nhân dân phường A trả lời xác minh vụ việc "Cố ý gây thương tích", "Gây rối trật tự công cộng" xảy ra ngày 25/10/2020 trên địa bàn phường A: Ông Nguyễn Đức T có hành vi cố tình điều khiển xe mô tô BKS: 5951-753.61 đi vào làn đường dành cho ô tô trên đường M để nhiều lần chặn trước đầu xe ô tô BKS: 51A- 692.98 do ông T1 và bà N1 thay nhau điều khiển là hành vi vi phạm Luật Giao thông, gây ảnh hưởng

xấu, gây mất an ninh trật tự, gây nguy hiểm cho cả ông T và các phương tiện khác tham gia giao thông.

Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Không có

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số 691/CT-VKSKV2 ngày 06/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Đức T về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và truy tố Hà Anh T1 về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Đức T mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Áp dụng khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Hà A Tính mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Về bồi thường thiệt hại: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà A Tính trình bày: Thống nhất với tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng; Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên; Các bị cáo nói lời sau cùng biết lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ để kết luận: Vào ngày 25/10/2020 trên nhiều tuyến đường giao thông từ Quận A đến khu vực thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Đức T đã có hành vi điều khiển xe mô tô chạy liên tục vào làn đường ô tô, bám đuổi, cố tình chạy chậm và tạt đầu xe ô tô 06 lần gây cản trở giao thông nghiêm trọng, gây nguy

hiểm cho người khác, gây hoang mang, lo sợ và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự; trong khi đó, Hà A Tính do bực tức đã có hành vi xô xát, đánh và dùng tay quật ngã T xuống đường gây ra tỷ lệ tổn thương cơ thể cho T là 20%. Hành vi Nguyễn Đức T đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Hà Anh T1 đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Như vậy quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, nếp sống văn minh và sự hoạt động bình thường, ổn định của cộng đồng nơi công cộng, xâm phạm đến sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, do đó cần phải xử lý nghiêm các bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt trước khi phạm tội, chưa có tiền án tiền sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức T và Hà Anh T1 đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Hà Anh T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cha bị cáo là người có công được nhà nước tặng huân huy chương, kỉ niệm chương, bị cáo Nguyễn Đức T cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1 nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hà A Tính cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Xét các bị cáo có nhân thân tốt trước khi phạm tội, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và đã bị tạm giam một khoảng thời gian cũng đủ có tác dụng răn đe. Căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo nên không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cho các bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án;

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025;

Xử phạt bị cáo Hà Anh T1 01 (Một) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án;

Giao bị cáo Hà A Tính cho Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án;. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Hương